

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2019/DS-ST**  
Ngày 14-11-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Việt Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hải Hưng;

Ông Trần Công Đăng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H., huyện M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Giữa ông với bà Trương Thị N có quen biết và là bà con họ hàng. Bà N biết ông vay tiền Ngân hàng, do đó, bà N nói ông cho vay lại 20.000.000 đồng. Ngày 17/5/2018 âm lịch, ông có cho bà N vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 3 tháng trả lại lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, khi vay có làm biên nhận. Bà N đã đóng lãi từ tháng 5/2018 đến hết tháng 3/2019 âm lịch. Từ ngày 15/4/2019 âm lịch bà Trương Thị N không đóng lãi cho ông. Ông có đòi bà N nhiều lần nhưng bà N không trả. Vì đây là tiền ông vay Ngân hàng, bà N

không đóng lãi, do đó, ông yêu cầu bà N đóng lãi cho ông từ ngày 15/4/2019 đến ngày 15/8/2019 âm lịch là 4 tháng với lãi suất 3% bằng 2.400.000 đồng. Từ đó, ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M tỉnh Cà Mau xem xét giải quyết buộc bà N phải trả cho ông tiền vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi là 2.400.000 đồng, tổng cộng là 22.400.000 đồng.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông cho bà N vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 800.000 đồng/tháng, bà N đóng lãi được 3 tháng sau đó không đóng lãi nữa. Ông có yêu cầu bà N trả nhiều lần tiền vốn nhưng bà N không trả. Ông đã khởi kiện ra Tòa án, tại phiên hòa giải bà N thừa nhận thiếu ông 20.000.000 đồng và đồng ý trả mỗi tháng 3.000.000 đồng nên ông đã rút đơn khởi kiện. Sau đó, bà N đã trả được 3.000.000 đồng và ngừng trả cho đến nay. Số tiền 3.000.000 đồng bà N trả là tiền lãi bà N còn thiếu trước đó. Do bà N không trả tiền cho ông nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho ông 20.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất Ngân hàng từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019 là 4 tháng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung: có căn cứ cho rằng bà N còn nợ ông B số tiền 20.000.000 đồng chưa thanh toán nên ông B yêu cầu bà N trả tiền là có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất, các bên không thỏa thuận lãi suất tại biên nhận nên ông B yêu cầu lãi suất là không có căn cứ chấp nhận. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu của ông B đối với bà N, buộc bà N trả cho ông B số tiền 20.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu lãi suất. Án phí bà N phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Trương Thị N trả tiền đã vay của ông, tính lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về việc vay tài sản và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trương Thị N tham gia tố tụng nhưng bà N vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị N.

[2] Về nội dung: Ông B yêu cầu bà Trương Thị N trả số tiền vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất Ngân hàng từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019 âm lịch là 4 tháng.

Đối với yêu cầu của ông B, vào ngày 03/7/2019 ông B đã khởi kiện bà N đòi số tiền 20.000.000 đồng, vụ án đã được Tòa án thụ lý số 110/2019/TLST-DS ngày 03/7/2019. Tại biên bản hòa giải ngày 24/7/2019 của Tòa án huyện M, bà N có thừa nhận có thiếu ông B số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi ban đầu là 800.000

đồng/tháng, bà N đóng lãi được 1 năm sau đó ngừng đóng. Cũng tại biên bản này, bà N đồng ý trả số tiền gốc mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày 13/7/2019 âm lịch cho đến khi hết khoản nợ, do đó ông B đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau đó, bà N không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận nên ông B khởi kiện lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà N đã nhận thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông B và không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa. Căn cứ vào biên nhận nợ và lời thừa nhận của bà N tại phiên hòa giải ngày 24/7/2019, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà N có vay của ông B số tiền 20.000.000 đồng và chưa trả nên yêu cầu của ông B đối với bà N về việc trả 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Trương Thị N trả lãi từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019 âm lịch, theo mức lãi suất của Ngân hàng. Xét thấy, tại biên nhận nợ, các bên không thỏa thuận lãi, nhưng lời trình bày của ông B và lời trình bày của bà N tại phiên hòa giải ngày 24/7/2019 đều xác định có thỏa thuận lãi suất nhưng mức lãi suất các bên không thống nhất, khi thì 800.000 đồng/tháng, khi thì 10 phần. Do có thỏa thuận trả lãi nhưng mức lãi suất không thống nhất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, mức lãi suất được áp dụng bằng 10%/năm, lãi suất tháng là 0,83%, theo đó tiền lãi từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019 bà N phải trả là  $0,83\% \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ tháng} = 664.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, buộc bà N trả cho ông B tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019 âm lịch là 664.000 đồng, tổng cộng 20.664.000 đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trương Thị N phải chịu là 1.033.200 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B đối với bà Trương Thị N về việc trả tiền vay.

Buộc bà Trương Thị N trả cho ông Nguyễn Văn B tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019 số tiền 664.000 đồng. Tổng

cộng số tiền phải trả là 20.664.000 (Hai mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm bà Trương Thị N phải chịu 1.033.200 (Một triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm) đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B tạm ứng án phí đã nộp số tiền 560.000 (Năm trăm sáu mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004593 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Việt Hằng**